

Số 37/TB-TH-THCSTM

Điện Biên Phủ, ngày 29 tháng 9 năm 2025

THÔNG BÁO
Về việc Công khai danh sách học sinh đề nghị hưởng hỗ trợ chi phí học tập
học kỳ I năm học 2025 - 2026

Căn cứ Nghị định 238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 của Chính phủ “ Quy định về Chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo; Nghị định số 57/2017/NĐ-CP, ngày 09/5/2017 của Chính Phủ về Quy định chính sách ưu tiên tuyển sinh và hỗ trợ học tập đối với trẻ em mẫu giáo, học sinh, sinh viên dân tộc thiểu số rất ít người; Nghị định số 116/2016/NĐ-CP, ngày 18/7/2016 của Chính phủ về Quy định chính sách hỗ trợ học sinh và trường phổ thông ở xã, thôn đặc biệt khó khăn;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC, ngày 31/12/2013 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động –TBXH, Bộ Tài chính về Quy định chính sách về giáo dục đối với trẻ Khuyết tật; Căn cứ Quyết định số 861/QĐ-TTg, ngày 04 tháng 6 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt danh sách các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 – 2025; Quyết định số 433/QĐ-UBND, ngày 18 tháng 6 năm 2021 của Ủy ban dân tộc Miền núi về Phê duyệt danh sách thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 – 2025.

Trường TH-THCS Thanh Minh thông báo và niêm yết công khai danh sách học sinh đã được xét duyệt đề nghị hưởng chế độ hỗ trợ chi phí học tập học kỳ I năm học 2025-2026 đối với trường TH-THCS Thanh Minh (có Biểu đính kèm)

Trong thời gian tổ chức niêm yết công khai nếu các đoàn thể, cá nhân có ý kiến phản hồi, đề nghị liên hệ bộ phận kế toán của trường TH-THCS Thanh Minh để được giải đáp./.

Nơi nhận:

- Các tổ chuyên môn, đoàn thể;
- Bảng tin, trang Website trường;
- Lưu HS.

HIỆU TRƯỞNG



Phạm Thị Hạnh

DANH SÁCH
Xét duyệt Học sinh được hưởng chế độ hỗ trợ chi phí học tập
Từ tháng 09/2025 đến tháng 12/2025 năm học 2025-2026
(Kèm theo Thông báo số 37/TB-TH-THCSTM ngày 29/9/2025
của trường TH-THCS Thanh Minh)

Stt	Họ và tên	Lớ p	khuyết tật khó khăn về kinh tế	Hộ nghề o	Thôn bản ĐBK K	Số tháng được hưởng	Định mức (150.000)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
1	Tòng Thị Ngọc Duyên	5A	1			4	150.000	600.000	
2	Tô bảo Nhi	7A		1		4	150.000	600.000	
3	Phạm Quang Minh	7B	1			4	150.000	600.000	
4	Lý Đức Huy	7B		1		4	150.000	600.000	
5	Vàng Thị Kim Trúc	7B		1		4	150.000	600.000	
6	Vừ Thị Ly	9A		1		4	150.000	600.000	
Tổng			2	4				3.600.000	

